

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Bà Vành Si Tha.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn không tham gia phiên tòa.**

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Ngọc L C, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh A (có mặt).

2. *Bị đơn:* Trình H T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã L, huyện Tn, tỉnh A (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 11/02/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Ngọc L C trình bày:

Bà C và ông T do mai mối, quen biết, tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau mâu thuẫn do tính tình không phù hợp và đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay, nay tình cảm không còn bà C yêu cầu ly hôn với ông Trình H T;

Về con chung: Có 01 con chung tên Trình Thị H G, sinh năm 1997 đã

trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trình H T trình bày tại Bản tự khai ngày 16/5/2022: Về thời gian quen biết chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Ngọc L C. Giữa ông và bà C tuy có sự tự nguyện tìm hiểu về chung sống từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Do nhiều mâu thuẫn bất đồng trong quan điểm và cách sống, ông và bà C đã ly thân từ đầu năm 2000 cho đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm với bà C và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trình Thị H G, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11 tháng 02 năm 2022 Trần Ngọc L C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trình H T, ông T cư trú tại tổ 10, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ chung sống giữa bà C và ông T được xác lập từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hạnh phúc đến khoảng năm 2000 phát sinh mâu thuẫn và ly thân nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, đôi bên không còn tình cảm sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, mâu thuẫn trong đời sống chung giữa bà C và ông T đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà C yêu cầu ly hôn và được ông T đồng ý. Tuy nhiên, giữa bà C và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, cần căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Trần Ngọc L C và ông Trình H T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung tên Trình Thị H G, sinh năm 1997 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Trần Ngọc L C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Tuyên bố không công nhận bà Trần Ngọc L C và ông Trình H T là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc L C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008140 ngày 11-02-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Trần Ngọc L C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

